

PHỤ LỤC 02
THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH 06 THÁNG
(Kèm theo Báo cáo số 369 /BC-UBND ngày 21 /7/2026 của UBND xã)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch giao năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	UTH 6 tháng so với KH giao	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU					
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm	%	>=10	4,9		Chỉ số theo dõi, chỉ tiêu nay đánh giá cuối năm
2	Cơ cấu kinh tế					
-	Nông, lâm và thủy sản	%	47	2,6		
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	18	4,8		
-	Thương mại - Dịch vụ	%	35	7,9		
3	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ngư ời/năm	36			Chỉ tiêu này đánh giá cuối năm
4	Sản phẩm chủ yếu					
	+ Lúa: Sản lượng	Tấn	3.410,91	2.052,60	60,2%	
	+Ngô: Sản lượng	Tấn	31,48	4,9	15,6%	
	+ Đàn trâu	Con	2.571	2.598	101,1%	
	+ Đàn bò	Con	468	508	108,5%	
	+ Đàn lợn	Con	2.746	2.586	94,2%	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	379,77	211,9	55,8%	
	+ Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	6,6	4,00	60,60%	
5	Thu chi ngân sách					
-	Tổng thu ngân sách NN trên địa bàn	Tỷ đồng	77,944	91,909	117,9%	
B	CHỈ TIÊU VĂN HÓA - XÃ HỘI					
6	Số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	2,00	1	50,0%	
	Đạt chuẩn quốc gia về y tế		Đạt			Chỉ tiêu này đánh giá cuối năm
7	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi	Giảm (%)	1-2%			
8	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	20,50			Chỉ tiêu này đánh giá cuối năm
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia (<i>Chỉ tiêu phân đầu</i>)	%	5,02	9,78		
10	Xây dựng Nông thôn mới	Tiêu chí	13/19 tiêu chí			
11	Tỷ lệ che phủ rừng	%	61,30	61,82		Chỉ tiêu này
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	80			đánh giá cuối năm
13	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	11			Chỉ tiêu này đánh giá cuối năm
C	CHỈ TIÊU VỀ QUỐC PHÒNG, AN					
14	Xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng		Đạt			Chỉ tiêu này đánh giá cuối năm
15	Cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn AT về ANTT	%	100			